TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 1 – KH	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2026/HS-ST

Ngày 17-3-2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - KH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Trần Khoa**

Bà **Nguyễn Thị Xuân Tâm**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trương Tấn Lộc** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - KH.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - KH tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Nguyễn Bích Tuyền** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - KH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2026/QĐXXST-HS ngày 24/02/2026 đối với bị cáo:

Nguyễn T – Sinh năm: 1986

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn B, xã B, tỉnh H; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Họ tên cha: Nguyễn T – sinh năm 1965; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị H – sinh năm 1963; họ tên vợ: Đinh Thị N – sinh năm 1985; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án: Bản án số 286/2009/HS-ST ngày 28/10/2009 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh H xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/4/2010 (chưa đóng án phí)

Tiền sự: không

Nhân thân: Bản án số 75/2022/HS-ST ngày 28/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh H xử phạt 09 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/9/2023

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

Bà Phạm Thị L – sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ 11 khóm N, phường T, tỉnh H

Có đơn xin vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*
Ông Trương Sỹ T – sinh năm 1991
Địa chỉ: Tổ 11 khóm N, phường T, tỉnh H
Có đơn xin vắng mặt
- *Người làm chứng:* Bà Đào Thị O – sinh năm 1973
Địa chỉ: Tổ 21 thôn N, phường T, tỉnh H
Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 01/11/2025, Nguyễn T đi bộ đến khu vực chợ H để tìm kiếm tài sản trộm cắp. Khi đến khu vực B, chợ H, phường T, tỉnh H thì phát hiện chị Phạm Thị L một mình điều khiển xe máy hiệu Honda Vision, màu nâu đen, biển kiểm soát 79AA-351.88 dựng dưới lòng đường, trước sạp bán rau, trên xe vẫn còn treo chìa khóa từ nên T nảy sinh ý định trộm cắp xe máy trên. Lợi dụng lúc chị L không chú ý, T ngồi lên xe nổ máy và điều khiển xe chạy về hướng trung tâm chợ H. Chị L phát hiện tri hô và cùng người dân xung quanh đuổi theo T. Thạnh điều khiển xe chạy được khoảng 100m thì bỏ lại xe và chạy bộ vào trong chợ. Sau đó, chị L đến công an phường trình báo sự việc. Tiến hành rà soát camera an ninh tại chợ H, công an phát hiện T đang lẩn trốn trong trung tâm chợ nên đưa T cùng tang vật về trụ sở làm việc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐGTS ngày 07/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên phường T xác định: 01 xe máy hiệu Honda, số loại Vision, màu nâu-đen, BKS: 79AA-251.84 tại thời điểm định giá tháng 11/2025 có giá trị là 31.140.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 132/CT-VKSKV1 ngày 04/02/2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - KH đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân Khu vực 1 - KH để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Thạnh về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - KH giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thạnh từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn T đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo rất hối hận, ăn năn hối cải nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm

quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt nhưng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có đơn xin vắng mặt. Xét thấy tất cả đã có lời khai, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ Luật tố tụng Hình sự.

[2]. Về tội danh:

Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo Nguyễn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Cáo trạng số 132/CT-VKSKV1 ngày 04/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 –KH truy tố bị cáo Nguyễn T về tội *"*Trộm cắp tài sản*"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi: Hành vi của bị cáo Nguyễn T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác, thể hiện sự coi thường pháp luật. Chính vì vậy mà hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn T cần được xử lý nghiêm khắc, cách ly ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội; góp phần vào công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo có 01 tiền án theo Bản án số 286/2009/HS-ST ngày 28/10/2009 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh H xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (chưa đóng án phí) nên thuộc trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, an tâm cải tạo, tu dưỡng trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị hại vắng mặt nhưng đã nhận lại tài sản bị trộm và đã có lời khai không yêu cầu bị cáo bồi thường.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu nâu đen, biển kiểm soát 79AA-351.88 đã trả cho chủ sở hữu nên không xét.

[7]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 136, Điều 292, Điều 293, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

- Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn T ***12 tháng tù*** về tội "Trộm cắp tài sản"; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn T phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm

3. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã nhận lại tài sản bị trộm và đã có lời khai không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xét.

4. Về xử lý vật chứng:

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu nâu đen, biển kiểm soát 79AA-351.88 đã trả cho chủ sở hữu.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND Khu vực 1 – KH;*
- *VKSND tỉnh KH;*
- *Bị cáo;*
- *Các đương sự;*
- *Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh KH;*
- *TAND tỉnh KH;*
- *Thi hành án Dân sự tỉnh KH;*
- *Sở Tư pháp tỉnh KH;*
- *Lưu án văn, hồ sơ;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đào Dương Thị Phương Dung